BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 98 /QĐ-LĐTBXH	*Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019*

Số: 161
ĐẾN Ngày: 25-02-2019
Chuyển: LĐ T.tâm VP, các phòng

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2019

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Số 69/2018/QH14 ngày 08/11/2018 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019; số 70/2017/QH14 ngày 09/11/2018 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình công tác lĩnh vực lao động, người có công và xã hội năm 2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Thường trực Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Kinh tế Trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBTWMTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo thực hiện);
- Các đ/c Thứ trưởng (để chỉ đạo thực hiện);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

BỘ TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Đào Ngọc Dung

Đ/c VP xây dựng KH công tác năm 2019 của T.tâm theo chỉ đạo tại

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC

Lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội năm 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 98 /QĐ-LĐTBXH ngày 18 /01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, với phương châm hành động của Chính phủ là ***"Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả"***,, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xác định trọng tâm chỉ đạo điều hành là: *"Tiếp tục hoàn thiện, phát triển đồng bộ thị trường lao động nhằm huy động và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội; từng bước cải thiện, nâng cao đời sống của người có công, người nghèo, đối tượng yếu thế trong xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội"*. Cụ thể như sau:

I. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Năm 2019 là năm bứt phá để hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (2016 – 2020) về lĩnh vực lao động – người có công và xã hội. Kiên định với phương châm: *"Đoàn kết, kỷ cương, sáng tạo, hiệu quả"*, toàn ngành phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của năm 2019; tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Hoàn thiện thể chế, hoàn thành Chương trình công tác năm 2019 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ:

Thực hiện đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng xây dựng các đề án theo Chương trình công tác năm 2019 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ; trong đó, đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo hoàn thành, trình Quốc hội thông qua Bộ luật Lao động sửa đổi; Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (sửa đổi); Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sửa đổi); trình ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành kịp thời, đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng.

Tổ chức đánh giá, tổng kết Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020; Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 05/6/2008 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp.

Tích cực triển khai thực hiện 02 Nghị quyết Trung ương 7 Khóa XII *(Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Nghị quyết số 28-NQ/TW* ngày 23/5/2018 *về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội)* và các Nghị quyết khác của Đảng, Quốc hội, Chính phủ liên quan đến các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

2. Phát triển thị trường lao động và giải quyết việc làm

Tiếp tục thực hiện các giải pháp hoàn thiện, phát triển thị trường lao động, chú trọng công tác hướng nghiệp, dự báo, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối cung - cầu nhân lực trong cả nước, khu vực và gắn với thị trường lao động quốc tế, khu vực ASEAN. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách, chương trình, đề án giải quyết việc làm gắn với thị trường lao động; cải cách bảo hiểm thất nghiệp để thật sự trở thành công cụ quản trị thị trường lao động. Triển khai thực hiện chính sách việc làm công, chính sách hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống tổ chức dịch vụ việc làm. Ổn định và phát triển, mở rộng thị trường lao động ngoài nước, chú trọng các thị trường có thu nhập cao, phù hợp với trình độ, kỹ năng của người lao động Việt Nam. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ quyền lợi của người lao động làm việc ở nước ngoài; có giải pháp tập hợp và sử dụng hiệu quả đội ngũ lao động đã đi làm việc ở nước ngoài trở về nước.

3. Thực hiện tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện quan hệ lao động

Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp trong việc thực hiện chính sách pháp luật về lao động, quan hệ lao động, tiền lương. Chủ động theo dõi, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, nhằm giảm thiểu các vụ đình công, lãn công của người lao động.

Triển khai các giải pháp đồng bộ để mở rộng diện bao phủ, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm quy định về chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam.

Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; ngăn chặn và giảm trên 6% tần suất tai nạn lao động chết người trong một số lĩnh vực có nguy cơ cao, quan tâm, ưu tiên nguồn lực để triển khai công tác

an toàn, vệ sinh lao động trong khu vực không có quan hệ lao động. Tổ chức tốt các hoạt động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2019; Đối thoại định kỳ về an toàn, vệ sinh lao động giữa Hội đồng Quốc gia về An toàn, vệ sinh lao động với đại diện giới chủ, đại diện người lao động và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan.

Làm tốt công tác quản lý, cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, công tác huấn luyện và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; theo dõi, tổng hợp các số liệu về tình hình thực hiện tuyển dụng và quản lý lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; tình hình tai nạn lao động trên phạm vi cả nước.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả Giáo dục nghề nghiệp

Thực hiện các giải pháp phát triển, đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chuẩn bị xây dựng Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030. Tăng cường tư vấn hướng nghiệp; đẩy mạnh giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp; mở rộng thực hiện đào tạo theo cơ chế đấu thầu, đặt hàng hoặc hợp đồng giữa doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Triển khai thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới và trong khu vực; đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Tăng cường đào tạo ngoại ngữ (tiếng Anh), công nghệ thông tin, kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

5. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng. Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng người có công; tiếp tục rà soát, giải quyết hiệu quả chính sách hỗ trợ người có công, bảo đảm công khai, minh bạch, kịp thời chấn chỉnh, xử lý nghiêm sai phạm. Rà soát, quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng giai đoạn 2021 - 2030. Thực hiện hiệu quả công tác xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin; vận hành tốt Cổng thông tin điện tử về liệt sỹ, mộ liệt sỹ và nghĩa trang liệt sỹ. Rà soát, tu bổ, tôn tạo, nâng cấp các công trình ghi công liệt sỹ đã xuống cấp. Đẩy mạnh các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Uống nước nhớ nguồn", "xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công".

6. Thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo bền vững

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ về giảm nghèo bền vững đến năm 2020; chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách, chương trình, dự án về giảm nghèo; ưu tiên nguồn

lực thực hiện chính sách đối với đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số nhằm đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các chính sách giảm nghèo; đề xuất định hướng giảm nghèo bền vững sau năm 2020, nhất là chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; đảm bảo người dân tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản bị thiếu hụt, phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục ý thức tự vươn lên thoát nghèo. Tiếp tục thực hiện hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau".

7. Làm tốt công tác trợ giúp xã hội

Thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Người cao tuổi, Luật Người khuyết tật, Chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội và các chương trình, đề án về trợ giúp xã hội. Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội giai đoạn 2021 - 2030. Cải cách hệ thống chi trả chính sách trợ giúp xã hội bảo đảm chi trả kịp thời, đúng đối tượng và thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ công chuyên nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác trợ giúp xã hội, huy động nhiều nguồn lực trợ giúp những người thiệt thòi, yếu thế, tạo điều kiện để các đối tượng tự khắc phục khó khăn, vươn lên hoà nhập cộng đồng. Tăng cường kiểm tra tình hình thực hiện chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội ở các địa phương.

8. Tạo môi trường sống an toàn, thực hiện đầy đủ quyền trẻ em

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới và các chương trình, đề án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến về công tác trẻ em theo Thông báo số 324/TB-VPCP ngày 29/8/2018 của Văn phòng Chính phủ; thực hiện đầy đủ Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hợp quốc; đẩy mạnh công tác xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Tổ chức tốt Tháng hành động vì trẻ em và Diễn đàn trẻ em các cấp. Chủ động thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, nhằm tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh cho mọi trẻ em. Hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục củng cố và phát triển Hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách pháp luật về trẻ em.

9. Về bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ

Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016 - 2020, Đề án về phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Nghiên cứu, xây dựng và phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực

hiện bình đẳng giới; tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo và cơ quan dân cử. Tổ chức tốt Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới.

10. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về phòng, chống mại dâm, cai nghiện ma túy và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác cai nghiện ma túy đặc biệt là việc quản lý các cơ sở cai nghiện ma túy; nghiên cứu xây dựng, triển khai các mô hình thí điểm về phòng, chống tệ nạn xã hội (Mô hình cai nghiện phục hồi, Mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng, mô hình hỗ trợ nạn nhân tại cộng đồng...); tổ chức tốt tháng hành động về phòng, chống ma túy; chủ động phối hợp hoạt động liên ngành; tăng cường kiểm tra giám sát các cơ sở cai nghiện, đặc biệt là các cơ sở quá tải, tiềm ẩn nguy cơ học viên bỏ trốn. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về tái hòa nhập cộng đồng.

11. Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tập trung thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, trục lợi chính sách như thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, hỗ trợ người có công...; các lĩnh vực mà Đại biểu Quốc hội và cử tri quan tâm. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các lĩnh vực.

12. Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của Bộ, ngành tinh gọn, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW; tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức. Tích cực triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW. Rà soát, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các đơn vị thuộc Bộ, đặc biệt là hệ thống các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ theo Chương trình hành động của Ban cán sự đảng, Kế hoạch theo Quyết định số 1155/QĐ-LĐTBXH thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả, đẩy nhanh việc chuyển đổi hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tiến tới xã hội hóa một số hoạt động dịch vụ công; triển khai Kế hoạch số 605-KH/BCSĐ ngày 14/12/2018 của Ban cán sự đảng về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị Trung ương bảy Khóa XII.

Thực thi đầy đủ, triệt để các những cải cách về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội đã thực hiện năm 2018. Cải cách dịch

vụ hành chính công và thực hiện chi trả, thanh toán các khoản trợ cấp cho đối tượng qua các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; thực hiện cung cấp ít nhất 30% dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4; đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

13. Tích cực, chủ động mở rộng hợp tác và hội nhập quốc tế

Tập trung xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các cam kết về lao động trong Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) theo Kế hoạch của Chính phủ. Triển khai Chiến lược hội nhập quốc tế trong lĩnh vực lao động và xã hội tới năm 2020, tầm nhìn 2030 và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết số 06-NQ/TW về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 25/4/2017). Chuẩn bị tốt cho năm chủ tịch ASEAN 2020. Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các khuyến nghị về thực hiện quyền con người Việt Nam chấp nhận trong kỳ báo cáo kiểm điểm định kỳ phổ quát về thực hiện quyền con người (khuyến nghị UPR) chu kỳ III trong lĩnh vực lao động và xã hội theo kế hoạch của Chính phủ. Triển khai các thỏa thuận quốc tế đã ký kết và tăng cường vận động, thu hút nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế phục vụ việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

14. Thực hiện tốt công tác kế hoạch, tài chính, văn phòng

Thực hiện tốt công tác tổng hợp, tham mưu cho Lãnh đạo Bộ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về ngân sách nhà nước; đảm bảo nguồn lực, cơ sở vật chất để thực hiện các nhiệm vụ của ngành; triển khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, kế hoạch đầu tư công năm 2019 ngay từ đầu năm; thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước theo đúng Nghị quyết Quốc hội, Quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ; quản lý tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản chặt chẽ, đúng chế độ, chính sách quy định. Thực hiện tốt chức năng điều phối hoạt động theo quy chế làm việc của Bộ; chủ động theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của Bộ được giao.

15. Đẩy mạnh công tác thông tin và tuyên truyền; phối hợp với các Bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong thực hiện các nhiệm vụ của ngành

Thực hiện nghiêm quy chế phát ngôn, tăng cường kỷ luật báo chí, bảo đảm kịp thời, hiệu quả; chủ động cung cấp thông tin, nhất là tình hình thực hiện các lĩnh vực lao động, người có công và xã hội theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả. Chủ động, tích cực phối hợp với các bộ, ngành, các tổ chức đoàn thể ở các cấp, các địa phương, các doanh nghiệp nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về lao động, người có công và xã hội; đề xuất các giải pháp cụ thể để đảm bảo thực hiện thắng lợi, toàn diện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch của ngành năm 2019.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phát huy tối đa các mặt tích cực đã đạt được trong 3 năm 2016 - 2018, nghiêm túc triển khai quyết liệt hơn, hiệu quả hơn, thiết thực hơn và toàn diện hơn các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra; trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

1.1. Trên cơ sở các nhiệm vụ trọng tâm và Phụ lục phân công nhiệm vụ chi tiết kèm theo, triển khai xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch cụ thể; trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện đưa vào chương trình công tác của cơ quan, đơn vị.

1.2. Tập trung và chủ động chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc triển khai thực hiện trong lĩnh vực, địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; tổ chức giao ban hàng tháng để kiểm điểm tình hình thực hiện chương trình, chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải pháp nhằm xử lý kịp thời đối với những vấn đề phát sinh.

1.4. Đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hàng tháng, quý gửi Văn phòng Bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

1.5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với các đơn vị quản lý nhà nước các lĩnh vực; phối hợp với các Sở, ngành chức năng của địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai các nhiệm vụ về Lao động, người có công và xã hội trên địa bàn.

2. Các đơn vị tổng hợp, đơn vị phụ trách các lĩnh vực phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong tham mưu, đề xuất các giải pháp chỉ đạo, điều hành của Bộ.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính phối hợp với Văn phòng Bộ và các cơ quan, đơn vị đôn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo quy định./.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

PHỤ LỤC 1

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 98/QĐ-LĐTBXH ngày 18/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì
I	CHỈ TIÊU QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ GIAO			
1	**Giảm Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều**	%	1 - 1,5	Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo
	Trong đó, các huyện nghèo, xã nghèo	%	4	
2	**Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi khu vực thành thị**	%	< 4	Cục việc làm
3	**Tỷ lệ lao động qua đào tạo**	%	60 - 62	Cục việc làm
	Trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ	%	24% - 24,5%	
II	CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NGÀNH			
1	**Tạo việc làm**	**người**	**1.600.000**	
1.1	Việc làm trong nước	người	1.480.000	Cục việc làm
1.2	Đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	người	120.000	Cục Quản lý lao động ngoài nước
2	**Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội**	%	**32,5 - 33**	Vụ Bảo hiểm xã hội
3	**Giáo dục nghề nghiệp**			Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.1	**Tuyển mới**	**người**	**2.260.000**	
a	Cao đẳng, trung cấp	người	560.000	
b	Sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác	người	1.700.000	
	Trong đó:			
	Lao động nông thôn	người	*800.000*	
	Người khuyết tật	người	*20.000*	
3.2	**Tốt nghiệp**	**người**	**2.195.000**	
a	Cao đẳng, trung cấp	người	495.000	
c	Sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác	người	1.700.000	
4	**Chăm sóc người có công**			Cục Người có công
4.1	Tỷ lệ gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú	%	99,5	
4.2	Tỷ lệ xã/phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ, người có công	%	99	
5	**Bảo trợ xã hội**			Cục Bảo trợ xã hội
5.1	Tỷ lệ đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	%	100	
5.2	Tỷ lệ người khuyết tật có hoàn cảnh khó khăn được trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng	%	84	
6	**Bảo vệ, chăm sóc trẻ em**			Cục Trẻ em
6.1	Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp	%	89	
6.2	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em	%	90	
7	**Phòng, chống tệ nạn xã hội**			Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
7.1	Tỷ lệ số người nghiện được điều trị so với số người nghiện có hồ sơ quản lý	%	70	
7.2	Tỷ lệ người nghiện có quyết định của Tòa án được áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc	%	100	

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

PHỤ LỤC 2
CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA NGÀNH NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 98/QĐ-LĐTBXH ngày 18/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Nội dung	Thời gian	Cấp trình	Đơn vị chủ trì
A	**HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**			
	Thực hiện theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 16/QĐ-LĐTBXH ngày 07/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			
B	**NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA BỘ**			
I	**Triển khai nhiệm vụ năm 2019**			
1	Triển khai Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019	Tháng 01/2019	Bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính
2	Triển khai Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021	Tháng 01/2019	Bộ	Vụ Pháp chế, Văn phòng
3	Hội nghị giao ban công tác lao động, người có công và xã hội năm 2019	Tháng 3, tháng 4/2019	Bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng
4	Hướng dẫn triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, các chương trình, đề án, dự án, chính sách pháp luật về lao động - người có công và xã hội	Tháng 01/2019	Bộ	Các đơn vị
II	**Phát triển thị trường lao động và giải quyết việc làm**			
5	Xây dựng Chiến lược phát triển thị trường lao động giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Cục Việc làm
6	Đề án dự báo cung - cầu lao động	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Cục Việc làm
7	Báo cáo kiểm tra, giám sát hoạt động các Trung tâm Dịch vụ việc làm, Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Năm 2019	Bộ	Cục Việc làm
8	Báo cáo tình hình thực hiện các giải pháp phát triển thị trường lao động, tăng cường kết nối cung-cầu lao động trên thị trường	Năm 2019	Bộ	Cục Việc làm
9	Báo cáo tình hình cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt nam; cấp phép cho chuyên gia khoa học - công nghệ; giấy phép làm việc trong kỳ nghỉ cho công dân NewZealand và công dân Australia	Năm 2019	Bộ	Cục việc làm
10	Biên bản về hợp tác lao động Việt Nam - Đài Loan lần thứ 6	Năm 2019	Bộ	Cục Quản lý lao động ngoài nước

STT	Nội dung	Thời gian	Cấp trình	Đơn vị chủ trì
11	Thỏa thuận về hợp tác lao động với Cô-oét, I-xra-en, Nhật Bản	Năm 2019	Bộ	Cục Quản lý lao động ngoài nước
12	Hiệp định hợp tác lao động với LB Nga về việc tuyển dụng có tổ chức công dân Việt Nam sang làm việc trên lãnh thổ LB Nga	Năm 2019	Chính phủ	Cục Quản lý lao động ngoài nước
13	Sửa đổi Hiệp định hợp tác lao động với Thái Lan	Năm 2019	Chính Phủ	Cục Quản lý lao động ngoài nước
III	**Thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; quan hệ lao động, an toàn lao động**			
14	Báo cáo rà soát, đánh giá chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp doanh nghiệp nhà nước và cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập	Năm 2019	Bộ	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương
15	Báo cáo tình hình thực hiện quy định pháp luật về cho thuê lại lao động	Năm 2019	Bộ	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương
16	Đề án về tổ chức quản lý tổ chức đại diện người lao động làm cơ sở để trình Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý, đăng ký tổ chức đại diện người lao động.	Năm 2019	Bộ	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương
17	Hỗ trợ thúc đẩy đối thoại tại nơi làm việc, thúc đẩy thương lượng tập thể, ký kết thảo ước lao động tập thể (trọng tâm về thương lượng tiền lương)	Năm 2019	Bộ	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương
18	Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 22-CT/TW ngày 05/6/2008 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo việc xay dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp	Năm 2019	Ban Bí thư Trung ương Đảng	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương
19	Báo cáo đánh giá về mô hình tổ chức, hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ phát triển Quan hệ lao động	Năm 2019	Bộ	Cục Quan hệ lao động và Tiền lương
20	Tổng hợp, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện chính sách tiền lương, quan hệ lao động; cập nhật, theo dõi, báo cáo tình hình đình công.	Năm 2019	Bộ	Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương
21	Khảo sát, xác định mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình người lao động	Năm 2019	Chính phủ	Cục Quan hệ Lao động và Tiền lương
22	Xây dựng Kế hoạch hành động của Bộ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội	Quý I/2019	Bộ	Vụ Bảo hiểm xã hội
23	Báo cáo tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội năm 2018	Tháng 8/2019	Quốc hội	Vụ Bảo hiểm xã hội
24	Báo cáo về tình hình thực hiện bảo hiểm xã hội năm 2018	Tháng 8/2019	Chính phủ	Vụ Bảo hiểm xã hội
25	Báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội	Tháng 12/2019	Chính phủ	Vụ Bảo hiểm xã hội
26	Báo cáo tình hình triển khai Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.	Tháng 12/2019	Chính phủ	Vụ Bảo hiểm xã hội

STT	Nội dung	Thời gian	Cấp trình	Đơn vị chủ trì
27	Nghiên cứu, xây dựng Đề án nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của của cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp	Quý IV/2019	Bộ	Cục Việc làm
28	Báo cáo kiểm tra, chấn chỉnh các hoạt động về huấn luyện, kiểm định, kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa, thực hiện chế độ bảo hộ lao động với người lao động	Năm 2019	Bộ	Cục An toàn lao động
29	Triển khai tập huấn nghiệp vụ, hướng dẫn khai báo, thu thập, cung cấp thông tin, báo cáo tai nạn lao động mở rộng đến cấp xã	Năm 2019	Bộ	Cục An toàn lao động
30	Kế hoạch tổ chức Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động; Đối thoại An toàn, vệ sinh lao động năm 2019	Năm 2019	Bộ	Cục An toàn lao động
IV	**Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục nghề nghiệp**			
31	Xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030	Năm 2019 - 2020	Thủ tướng Chính phủ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
32	Nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
33	Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên, xây dựng ngân hàng đề thi và đánh giá cấp thẻ kiểm định viên; cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về đảm bảo chất lượng bên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; thí điểm tổ chức đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao	Năm 2019	Bộ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
34	Báo cáo công tác đào tạo nghiệp vụ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia; đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho người lao động trong doanh nghiệp và người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	Năm 2019	Bộ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
35	Báo cáo công tác đào tạo ngoại ngữ, kỹ năng mềm, kỹ năng số, kiến thức khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên.	Năm 2019	Bộ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
36	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện các chương trình đào tạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới và trong khu vực	Năm 2019	Bộ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
37	Thí điểm đào tạo trực tuyến một số môn học chung và phương pháp sư phạm giáo dục nghề nghiệp	Năm 2019	Bộ	Tổng,cục Giáo dục nghề nghiệp
38	Triển khai quản lý văn bằng trực tuyến và cấp bằng, chứng chỉ số (thuộc Đề án "ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020" ban hành tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ)	Năm 2019	Bộ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
39	Báo cáo kết quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, lao động bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển, lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và lao động đi làm việc ở nước ngoài.	Năm 2019	Bộ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
40	Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020	Năm 2019	Bộ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp

STT	Nội dung	Thời gian	Cấp trình	Đơn vị chủ trì
41	Triển khai thực hiện Kế hoạch truyền thông về giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2018-2020	Năm 2019	Bộ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
42	Báo cáo công tác đấu thầu, đặt hàng đào tạo từ ngân sách nhà nước đối với những ngành, nghề đặc thù; những ngành, nghề thuộc các ngành kinh tế mũi nhọn; những ngành, nghề thị trường lao động có nhu cầu nhưng khó thực hiện xã hội hoá	Năm 2019	Bộ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
43	Tăng cường kết nối giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, thực hiện đào tạo theo vị trí làm việc tại doanh nghiệp; mở rộng đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, đào tạo tại doanh nghiệp.	Năm 2019	Bộ	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
V	**Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng**			
44	Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng. Tổ chức thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đã ban hành cho đối tượng người có công	Năm 2019	Chính phủ/Quốc hội	Cục Người có công
45	Tiếp tục giải quyết hồ sơ đang còn tồn đọng về xác nhận, công nhận người có công.	Năm 2019	Chính phủ/Quốc hội	Cục Người có công
46	Đẩy nhanh công tác xác định hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; xây dựng kế hoạch lấy mẫu hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin an táng tại các nghĩa trang trên cả nước; xây dựng Ngân hàng Gen, vận hành tốt Cổng thông tin điện tử về liệt sĩ, mộ liệt sĩ	Năm 2019	Chính phủ/ Ban chỉ đạo Nhà nước/ Bộ	Cục Người có công
47	Xây dựng tiêu chí đánh giá hộ gia đình có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình dân cư nơi cư trú và xã phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ.	Năm 2019	Chính phủ	Cục Người có công
48	Nhiệm vụ lập quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Cục Người có công
49	Kế hoạch khảo sát thế hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Năm 2019	Bộ	Cục Người có công
VI	**Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững**			
50	Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, chính sách giảm nghèo năm 2019, nhiệm vụ, giải pháp năm 2020	Năm 2019	Chính phủ/Quốc hội	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo
51	Quyết định của Bộ trưởng phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018	Năm 2019	Bộ	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo
52	Xây dựng Kế hoạch rà soát, tích hợp, sửa đổi chính sách giảm nghèo giai đoạn 2019-2020	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo
53	Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2012-2018	Năm 2019	Chính phủ/Quốc hội	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo
54	Báo cáo đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020; đề xuất định hướng xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Năm 2019	Chính phủ/Quốc hội	Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo

STT	Nội dung	Thời gian	Cấp trình	Đơn vị chủ trì
VII	**Thực hiện tốt công tác trợ giúp xã hội**			
55	Tổng kết Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020	Năm 2019	Ban Chấp hành Trung ương Đảng	Viện Khoa học Lao động và Xã hội
56	Báo cáo tình hình thực hiện các quy định của Luật Người cao tuổi, Luật người khuyết tật, chính sách trợ giúp xã hội	Năm 2019	Chính phủ	Cục Bảo trợ xã hội
57	Rà soát, nắm bắt, báo cáo tình hình đời sống nhân dân, nhất là những địa phương bị thiệt hại nặng do các đợt bão, lũ, hạn hán, dịch bệnh..., kịp thời thực hiện công tác cứu trợ đột xuất	Năm 2019	Bộ	Cục Bảo trợ xã hội
58	Nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Cục Bảo trợ xã hội
59	Xây dựng Dự án ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết các chính sách và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030	Năm 2019	Bộ	Cục Bảo trợ xã hội
VIII	**Tạo môi trường thuận lợi để thực hiện toàn diện quyền trẻ em**			
60	Đề án Vận động xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi giai đoạn 2018-2025	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Cục Trẻ em
61	Báo cáo kết quả thực hiện Luật Trẻ em	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Cục Trẻ em
62	Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 5/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Chỉ thị số 18/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về công tác bảo vệ trẻ em	Năm 2019 và các năm tiếp theo	Bộ	Cục Trẻ em
63	Báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em 111	Năm 2019	Bộ	Cục Trẻ em
64	Phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trẻ em; cập nhật thông tin, phân tích, dự báo tình hình trẻ em và việc thực hiện quyền trẻ em, kết quả thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch về trẻ em từ Trung ương đến cơ sở	Năm 2019	Bộ	Cục Trẻ em
65	Triển khai Tháng hành động vì trẻ em năm 2019; Kỷ niệm 30 năm phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em được phê chuẩn.	Năm 2019	Bộ	Cục Trẻ em
66	Báo cáo về công tác phối hợp liên ngành, truyền thông về thực hiện quyền trẻ em thông qua hoạt động của Ủy ban quốc gia về trẻ em; hướng dẫn địa phương củng cố cơ chế, cơ cấu tổ chức phối hợp liên ngành; hình thành mạng lưới phòng chống đuối nước trẻ em	Năm 2019	Bộ	Cục Trẻ em
67	Báo cáo kiểm tra hoạt động của các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em.	Năm 2019	Bộ	Cục Trẻ em
68	Báo cáo đánh giá việc bố trí nhân lực và ngân sách để thực hiện công tác trẻ em ở địa phương	Năm 2019	Bộ	Cục Trẻ em
IX	**Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ**			
69	Báo cáo việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2018	Năm 2019	Thủ tướng Chính phủ	Vụ Bình đẳng giới
70	Kế hoạch tổ chức Tháng hành động vì bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	Năm 2019	Bộ trưởng	Vụ Bình đẳng giới

STT	Nội dung	Thời gian	Cấp trình	Đơn vị chủ trì
71	Kế hoạch truyền thông về thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị, hướng tới Đại hội Đảng các cấp và bầu cử Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2025	Năm 2019	Bộ trưởng/Chủ tịch UBQG Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam	Văn phòng UBQG vì sự tiến bộ của phụ nữ
72	Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)	Tháng 7/2019	Chính phủ	Vụ Pháp chế
X	**Giảm phát sinh mới tệ nạn xã hội; nâng cao chất lượng cai nghiện phục hồi, quản lý sau cai; phòng chống tệ nạn mại dâm; hỗ trợ nạn nhân bị mua bán tái hòa nhập cộng đồng**			
73	Hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống mại dâm, cai nghiện ma túy và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán hòa nhập cộng đồng.	Năm 2019	Bộ	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
74	Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến chính sách pháp luật về phòng, chống mại dâm, cai nghiện ma túy và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán; tập trung vận động thực hiện các quan điểm, chính sách mới, phối hợp liên ngành hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống tệ nạn xã hội	Năm 2019	Chính phủ, Bộ	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
75	Báo cáo việc mở rộng thí điểm các mô hình hỗ trợ nạn nhân, mô hình hỗ trợ phòng, chống bạo lực, trợ giúp xã hội cho người bán dâm ở cộng cộng đồng và các cơ sở xã hội; các mô hình dự phòng, điều trị, cai nghiện nghiện ma túy.	Năm 2019	Bộ	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
76	Nghiên cứu, đánh giá, rà soát các mô hình, đề xuất các giải pháp về phòng, chống mại dâm, quản lý người nghiện, cai nghiện ma túy và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.	Năm 2019	Bộ	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
77	Báo cáo công tác tập huấn, đào tạo đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác phòng, chống mại dâm, cai nghiện ma túy và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán tại cơ sở và cộng đồng	Năm 2020	Bộ	Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
XI	**Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**			
78	Triển khai thực hiện Quyết định số 1421/QĐ-LĐTBXH ngày 15/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Năm 2019	Bộ	Thanh tra
79	Báo cáo kết quả lồng ghép nội dung thanh tra các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng; các nội dung của Quyết định số 1817/QĐ-LĐTBXH ban hành danh mục các vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội vào các cuộc thanh tra hành chính; thanh tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng	Năm 2019	Bộ	Thanh tra
80	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, các quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo	Năm 2019	Bộ	Thanh tra
81	Báo cáo kết quả thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân	Năm 2019	Bộ	Thanh tra

STT	Nội dung	Thời gian	Cấp trình	Đơn vị chủ trì
82	Báo cáo về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu thông qua tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công vụ	Năm 2019	Bộ	Thanh tra
83	Báo cáo việc thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; hướng dẫn nhận diện vị trí việc làm có nguy cơ tham nhũng và xây dựng kế hoạch phòng ngừa	Năm 2019	Bộ	Thanh tra
84	Hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập và chuyển đổi vị trí việc làm	Năm 2019	Bộ	Thanh tra
85	Báo cáo công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện chính sách pháp luật về lao động - người có công và xã hội	Năm 2019	Bộ	Các đơn vị
XII	**Tích cực, chủ động mở rộng hợp tác và hội nhập quốc tế**			
86	Xây dựng Kế hoạch thực hiện các khuyến nghị của Báo cáo quốc gia theo Cơ chế rà soát định kỳ phổ quát (UPR) chu kỳ 3 trong lĩnh vực lao động và xã hội theo kế hoạch của Chính phủ	Năm 2019	Bộ	Vụ Hợp tác quốc tế
87	Xây dựng Kế hoạch thực hiện các cam kết về lao động trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)	Năm 2019	Bộ	Vụ Hợp tác quốc tế
88	Báo cáo hỗ trợ thúc đẩy ký kết Hiệp định Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) tiến tới phê chuẩn và thực hiện	Năm 2019	Bộ	Vụ Hợp tác quốc tế
89	Thúc đẩy đàm phán và ký kết các hiệp định bảo hiểm xã hội song phương với Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức	Năm 2019	Bộ	Vụ Hợp tác quốc tế
90	Kế hoạch chuẩn bị cho năm Chủ tịch ASEAN 2020	Năm 2019	Bộ	Vụ Hợp tác quốc tế
91	Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; đề án Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện các mục tiêu của Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN đến năm 2025	Năm 2019	Bộ	Vụ Hợp tác quốc tế
XII	**Xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu quả; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Bộ; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước**			
92	Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống quy chế, quy định về công tác tổ chức cán bộ	Năm 2019	Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ
93	Báo cáo rà soát biên chế các đơn vị hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp, hoàn chỉnh phương án phân bổ biên chế hành chính và giao số lượng người làm việc các đơn vị sự nghiệp	Năm 2019	Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ
94	Rà soát, hoàn thiện, phê duyệt bản mô tả công việc, khung năng lực theo danh mục vị trí việc làm của các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ	Năm 2019	Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ
95	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2019	Năm 2019	Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ
96	Kiện toàn, sắp xếp, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm một số vị trí chức danh, đảm bảo nguyên tắc (nhất là chấp hành nguyên tắc về số lượng cấp phó), đúng quy trình, thủ tục, tạo nguồn cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài của Bộ	Năm 2019	Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ

STT	Nội dung	Thời gian	Cấp trình	Đơn vị chủ trì
97	Rà soát, đánh giá thực trạng, hiệu quả hoạt động của 03 doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ; các dự án, công trình đầu tư, vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp; chuyển giao về SCIC theo lộ trình	Năm 2019	Bộ	Vụ Kế hoạch – Tài chính
98	Chuyển đổi mô hình hoạt động của một số đơn vị sự nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5, Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII	Năm 2019	Bộ	Vụ Kế hoạch – Tài chính
99	Thực hiện đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; triển khai việc thực hiện cơ chế "một cửa" trong việc tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	Năm 2019	Bộ	Văn phòng, Thanh Tra
100	Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đối thoại định kỳ ít nhất hai lần/năm với cộng đồng doanh nghiệp, báo chí để kịp thời giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp liên quan đến các chính sách pháp luật về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, tháo gỡ đối với những nội dung vượt thẩm quyền của Bộ.	Năm 2019	Bộ	Vụ Pháp chế
101	Triển khai phần mềm e-molisa giải quyết hồ sơ, văn bản qua mạng Internet, kết nối với Trục liên thông văn bản điện tử của Chính phủ; thực hiện cung cấp ít nhất 30% dịch vụ công trực tuyến cấp độ 4; đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, kết nối mạng thông tin liên lạc với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính công ích để phối hợp trong việc nhận, trả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Triển khai Hệ thống một cửa điện tử, một cửa liên thông tại Bộ	Năm 2019	Bộ	Trung tâm Thông tin, Văn phòng Bộ, các đơn vị quản lý nhà nước
102	Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 – 2020, Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử, tăng cường cung cấp dịch vụ công qua mạng, thuê doanh nghiệp thực hiện cung cấp hoặc thực hiện một số khâu, thủ tục cung cấp dịch vụ công	Năm 2019	Bộ trưởng	Trung tâm Thông tin
103	Tập hợp, số hóa và cập nhật vào các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Đẩy mạnh việc xây dựng và sử dụng các phần mềm dùng chung, cơ sở dữ liệu, bảo đảm tính tương thích, đồng bộ và thông suốt. Triển khai Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tại Bộ.	Năm 2019	Bộ	Trung tâm thông tin, các đơn vị quản lý nhà nước
104	Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.	Năm 2019	Bộ	Vụ Tổ chức cán bộ
XIV	**Công tác Kế hoạch – Tài chính; quản lý, giám sát đầu tư công**			
105	Thực hiện hiệu quả Luật ngân sách nhà nước năm 2015, Luật đầu tư công, Luật quản lý nợ công, Luật xây dựng, Luật đấu thầu, Luật phí và lệ phí…, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành các Luật và các văn bản quy phạm pháp Luật hiện hành liên quan đến quản lý thu, chi ngân sách nhà nước. Tăng cường quản lý công tác đấu thầu; đẩy mạnh đấu thầu qua mạng theo lộ trình của Thủ tướng Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Năm 2019	Bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng cơ bản

STT	Nội dung	Thời gian	Cấp trình	Đơn vị chủ trì
106	Tăng cường công tác quản lý tài chính, tài sản nhà nước; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.	Năm 2019	Bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính
107	Quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư xây dựng cơ bản thuộc Bộ	Năm 2019	Bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng cơ bản
108	Tăng cường công tác theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý ngân sách nhà nước. Làm rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm, đặc biệt là các tổ chức, cá nhân gây chậm trễ việc thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019; kiên quyết cắt giảm những khoản chi thường xuyên ngân sách trung ương đã giao dự toán từ đầu năm nhưng đến ngày 30/6/2019 chưa thực hiện phân bổ	Năm 2019	Bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính
109	Nâng cao chất lượng công tác thống kê và phân tích, dự báo liên quan đến các lĩnh vực của ngành; tổ chức hệ thống thông tin - báo cáo thống nhất, đồng bộ từ trung ương đến địa phương để thu thập, xử lý thông tin kịp thời, phục vụ cho công tác xây dựng, hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành của Bộ	Năm 2019	Bộ	Vụ Kế hoạch - Tài chính